TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 260/2026/DSST
Ngày: 29 – 6 – 2026.
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀN ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Nguyễn Minh Trí**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Hoàng Long**

2. Ông **Đặng Thành Sơn**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Mai Hương –** Thư ký viên Toà án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Kim Thoa** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2026/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2026/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tuyết V, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết P, sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết V trình bày và yêu cầu:

Do quen biết, bà Nguyễn Thị Tuyết P nhiều lần nhờ bà đứng ra vay tiền của người khác, cụ thể:

Ngày 06/9/2024, theo yêu cầu của bà P, bà đến nhà ông Phan Hữu L (chồng bà P) vay số tiền 113.000.000 đồng. Bà và ông L có lập giấy nợ, thỏa thuận lãi suất 10.000.000 đồng/tháng (phần lãi do bà P đóng). Sau khi nhận tiền từ ông L, bà đã

giao toàn bộ số tiền này cho bà P nhưng không L biên nhận, không ai chứng kiến. Bà P đóng lãi được 06 tháng (từ tháng 6/2024 đến tháng 3/2025) rồi ngưng.

Ngày 19/11/2024, bà P tiếp tục nhờ bà vay của bà Nguyễn Nhi số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 2.500.000 đồng/tháng. Bà vay và giao toàn bộ số tiền cho bà P nhưng không L biên nhận, không ai chứng kiến, đến nay bà P chưa thanh toán.

Đầu năm 2025, bà P tiếp tục nhờ bà vay tiền của bà Diễm 100.000.000 đồng. Ban đầu lãi 5.000.000 đồng/tháng, sau đó bà Diễm không lấy lãi nữa. Bà đã giao toàn bộ số tiền này cho bà P nhưng không L biên nhận, không ai chứng kiến, đến nay bà P vẫn không trả.

Toàn bộ số tiền vay nói trên, do bà Nguyễn Thị Tuyết P trực tiếp nhận và sử dụng. Bà đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu bà P trả nợ gốc và tiền lãi nhưng bà P né tránh, không hợp tác, sau này bà không liên lạc bà P được. Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết P thanh toán số tiền 263.000.000 đồng và tiền lãi trả chậm theo quy định của Nhà nước.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/6/2026, bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P trình bày:

Bà không có vay tiền của bà Trần Thị Tuyết V. Do bà nghiện chơi số đề, bà V làm chủ số đền. Bà V nói bà đánh đề do bà V làm chủ nên trong khoảng từ năm 2024, 2025, bà có đánh đề hằng ngày nhưng không đưa tiền, bà và bà V thỏa thuận, hằng ngày bà đưa giấy có ghi con số cần đánh và số tiền đánh, nếu không trúng thì bà V ghi số tiền nợ, nếu trúng thì trừ tiền đánh và tiền nợ trước. Mỗi ngày bà đánh khoảng 10.000.000 đồng. Do lo sợ và giấu chồng con nên hằng ngày xổ số xong, bà đã bỏ giấy tờ, không còn giữ lại. Đây là tiền bà chơi đánh đề chứ không phải tiền bà vay của bà V. Bà V nói bà vay tiền nhưng không có giấy tờ gì chứng minh. Mục đích bà V đòi số tiền này là vì bà V muốn cấn trừ số tiền 113.000.000 đồng bà V nợ chồng bà là ông Phan Hữu L, đã có bản án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Do đó, bà không đồng ý yêu cầu trả tiền cho bà V.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 263.000.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi; Bị đơn giữ nguyên ý kiến.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã

tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn đã được xem xét, đối chiếu với các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay nên quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm của Toàn án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15.

[2] Về thủ tục: Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi. Đây là sự tự định đoạt của đương sự, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Nguyên đơn trình bày nhiều lần hỏi vay dùm bị đơn tổng số tiền 263.000.000 đồng, không làm biên nhận, không ai chứng kiến. Bị đơn trình bày không có nhờ nguyên đơn vay tiền dùm, chỉ có việc nợ nguyên đơn tiền đánh đề nhưng cũng không có chứng cứ chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp 03 đoạn ghi âm. Tại phiên tòa bị đơn không thừa nhận lời trình bày và nội dung trong đoạn ghi âm. Như vậy, nguyên đơn không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Từ những nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận; quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019;

Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết V về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết P trả tiền vay 263.000.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Tuyết V phải chịu 13.150.000 đồng *(Mười ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 6.575.000 đồng *(Sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu số: 0000643 ngày 12/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ nên bà Trần Thị Tuyết V phải nộp thêm 6.575.000 đồng *(Sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)*.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 14 – Cần Thơ.
- THADS TP. Cần Thơ;
- Lưu

Phan Nguyễn Minh Trí